

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày 09 – 04 – 2024

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hoàng Liên
- Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thị Quốc L (tên gọi khác: L1), sinh năm: 1978 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố F, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê N và bà Lê Thị Ngọc G; có chồng Nguyễn Thái B và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1998 và nhỏ nhất sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/8/2016, bị Công an phường K, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Đã nộp phạt ngày 24/8/2016.

Bị cáo bị bắt từ ngày 04/11/2023 – Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Khu phố B, phường P, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
- Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Khu phố F, phường T, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận. (vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (vắng mặt)
- Anh Nguyễn Thái T1, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Khu phố F, phường T, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận. (vắng mặt)
- * Người làm chứng:
- Bà Lê Thị Mai T2, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Khu phố D, phường V, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận. (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Kim D, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Khu phố B, phường P, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 02/11/2023, chị Lê Thị Mai T2 (*sinh năm 1990, trú tại: Khu phố D, phường V, Tp . - T*) rủ Lê Thị Quốc L đi ăn thì L đồng ý, L điều khiển xe mô tô, hiệu Yamaha Sirius, màu xanh đen, biển số 85B1-355.02 chở chị T2 đến quán bán đồ ăn vặt, gỏi bò khô của chị Nguyễn Thị T (*sinh năm 1972, trú tại: Khu phố B, phường P, Tp . - T, tỉnh Ninh Thuận*) tại trước số nhà C đường Q, thuộc khu phố D, phường M, Tp . - T. Trong lúc đang ngồi ăn thì L nhìn thấy 01 túi nylon màu cam đặt ở dưới tủ đựng thức ăn, nghĩ trong bọc nylon có tiền nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khi ăn xong, L nói với chị T2, L hẹn gặp bạn tại quán để nói chuyện nên L kêu chị T2 đi ra đứng gần nhà máy N1 để chờ. Nghe vậy, chị T2 đưa tiền cho L để tính tiền ăn, đồng thời điều khiển xe mô tô chạy đến nhà máy nước N để chờ L. Khi tính tiền xong, nhìn thấy chị T đang dọn dẹp không để ý đến tài sản, L đi đến tủ thức ăn dùng tay lấy 01 túi nylon màu cam, bên trong có 01 túi xách da màu xanh ở dưới tủ đựng thức ăn của chị T bỏ vào bọc nylon màu đỏ của L. Khi đã lấy được tài sản, L đi ra vị trí nơi chị T2 đang chờ, L điều khiển xe mô tô chở chị T2 về. Trên đường về, do xe bị thùng lốp nên cả hai sửa chữa tại tiệm sửa xe thuộc thôn P, xã P, huyện N. Lúc này, L đi sang bãi đất trống bên đường lấy toàn bộ tài sản bên trong 01 túi nylon màu cam, bên trong có 01 túi xách da màu xanh rồi vứt bỏ 01 túi nylon màu cam và 01 túi xách da màu xanh ở vị trí gần đó. Khi đã sửa xe xong, L điều khiển xe mô tô chở chị T2 về nhà ở P, P, N. Trên đường về, L gọi điện thoại cho một số người trả nợ, với số tiền 11.400.000 đồng. Sau đó, L về nhà của chị Nguyễn Thị L2 (*sinh năm 1978, trú tại: Khu phố F, phường T, Tp . - T*) kiểm tra số tài sản trộm cắp được gồm có: Số

tiền 7.843.000 đồng; 06 nhẫn bằng kim loại vàng (04 nhẫn kim loại vàng 9999, 05chỉ/nhẫn và 02 nhẫn kim loại vàng 18K); 04 đôi bông tai bằng kim loại vàng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2, màu vàng, màn hình cảm ứng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax 128gb, màu trắng, màn hình cảm ứng. Ngày hôm sau, L2 bán 01 nhẫn kim loại vàng 9999, 05chỉ/nhẫn cho tiệm V, số E T, thuộc khu phố A, phường Đ, Tp . - T với số tiền 28.500.000 đồng, L2 đã mua lại 01 sợi dây chuyền vàng, 01 mặt dây chuyền vàng; 01 đôi bông tai vàng đem trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc C (*sinh năm 1998, trú tại: Khu phố H, thị trấn P, huyện N là con của L2*), đây là số tài sản mà L2 đã mượn của chị C trước đó. Ngày 04/11/2023, L2 tiếp tục đem 01 nhẫn kim loại vàng 9999, 05chỉ/nhẫn bán cho tiệm V1, số E T, thuộc khu phố A, phường Đ, Tp . - T. Riêng 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax 128gb, màu trắng, màn hình cảm ứng Lê gửi vào Thành phố Hồ Chí Minh cho Nguyễn Thái T1 (*sinh năm 2002, trú tại: Khu phố F, phường T, Tp . - T là con của L2*). Số tài sản trộm cắp được, L2 đã tiêu xài cá nhân, trả nợ cho nhiều người.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 104/KL-HĐĐGTS, ngày 06/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P - T kết luận:

- 01 nhẫn kim loại, màu vàng có mã THU ĐƯỢC 1 THANH HƯƠNG 50.99.50, đã qua sử dụng, thu hồi được. Tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 02/11/2023 có giá là 29.000.000 đồng.

- 01 nhẫn kim loại, màu vàng có mã “THUY HUNG 50 THU ĐƯỢC II 9950”, đã qua sử dụng, thu hồi được. Tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 02/11/2023 có giá là 29.000.000 đồng.

- 01 đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, hình vòng cung có mã KHS.T610, đã qua sử dụng, thu hồi được. Tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 02/11/2023 có giá là 2.485.000 đồng.

- 01 đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, hình túi tiền có đính ký hiệu \$, có mã KHT 610 12, đã qua sử dụng, thu hồi được. Tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 02/11/2023 có giá là 3.465.000 đồng.

- 01 nhẫn kim loại, màu vàng, có đính hạt màu trắng trong xung quanh nhẫn, bên trên đỉnh nhẫn có đính 01 hạt màu trắng trong suốt hình kim cương, có ký hiệu KTC 71% đã qua sử dụng, thu hồi được. Tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 02/11/2023 có giá là 3.471.000 đồng.

- 01 nhẫn kim loại, màu vàng, có đính hạt màu trắng trong xung quanh nhẫn bên trên đỉnh nhẫn có đính 01 hạt màu trắng trong suốt hình kim cương, có ký hiệu H.XIU 120 đã qua sử dụng, thu hồi được. Tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 02/11/2023 có giá là 4.680.000 đồng.

- 01 đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, hình oval, bên trên bông tai có đính các hạt màu trắng, trong suốt, bên trên có đính hạt màu hồng, có ký hiệu KTCV 71%, đã qua sử dụng, thu hồi được. Tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 02/11/2023 có giá là 4.290.000 đồng.

- 01 đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, hình tròn, bên trên bông tai có đính các hạt màu trắng, trong suốt, có ký hiệu K*L*610 10 đã qua sử dụng, thu hồi được. Tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 02/11/2023 có giá là 3.150.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J2, màu vàng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, thu hồi được. Tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 02/11/2023 có giá là 400.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax 128gb, màu trắng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, thu hồi được. Tại thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 02/11/2023 có giá là 15.000.000 đồng.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 105/KL-HĐĐGTS, ngày 06/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P - T kết luận:

02 nhẫn vàng, loại vàng 9999, có trọng lượng là 05 chỉ vàng/nhẫn, không thu hồi được. Tại thời điểm vào ngày 02/11/2023 có giá trị 58.000.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản Lê Thị Quốc L đã trộm cắp được là 172.184.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến, hay khiếu nại gì về kết luận định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số: 40/CT-VKSPR ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Lê Thị Quốc L về tội “Trộm cắp tài sản” điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị hại bà Nguyễn Thị T trình bày: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật. Về dân sự: Quá trình điều tra, bà yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 140.000.000 đồng (bao gồm số tiền mặt 53.000.000 đồng và trị giá 03 chiếc nhẫn vàng, loại vàng 9999, có trọng lượng là 05 chỉ vàng/nhẫn); tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bà cũng không có chứng cứ gì chứng minh đối với số tiền 140.000.000 đồng. Do đó, bà đồng ý nhận số tiền mà bị cáo bồi thường là 69.400.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Thị Quốc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Thị Quốc L từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo; Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 69.400.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng mà do Nguyễn Thái T1 nộp thay bị cáo L tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố P - T để trả cho bị hại bà Nguyễn Thị T.

Bị cáo, bị hại không tham gia tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố P - T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại bà Nguyễn Thị T khai tài sản bị mất trộm gồm: 05 nhẫn vàng loại 9999, trọng lượng 5 chỉ vàng/nhẫn; 02 nhẫn vàng loại 18K, trọng lượng khoảng 01 chỉ/nhẫn; 04 đôi bông tai loại vàng 18K, trọng lượng khoảng 01 chỉ/đôi bông tai; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2, màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu trắng và số tiền mặt là 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo chỉ thừa nhận tài sản trộm cắp gồm: 04 nhẫn vàng loại 9999, trọng lượng 5 chỉ vàng/nhẫn; 02 nhẫn vàng loại 18K, trọng lượng khoảng 01 chỉ/nhẫn; 04 đôi bông tai loại vàng 18K, trọng lượng khoảng 01 chỉ/đôi bông tai; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2, màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu trắng và số tiền mặt là 19.243.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 02/11/2023, tại quán bán đồ ăn vặt, gói bò khô trước số nhà C đường Q, thuộc khu phố D, phường M, thành phố P - T, Lê Thị Quốc L đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị T (gồm tiền mặt, nhẫn vàng, bông tai vàng và điện thoại) với tổng giá trị là 172.184.000 đồng. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 40/CT-VKSPR ngày 16 tháng 02 năm 2024 của

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T truy tố bị cáo Lê Thị Quốc L là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hậu quả mà bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân xấu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường và khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo trong khung hình phạt liền kề là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho bị hại Nguyễn Thị T gồm: 01 nhẫn kim loại, màu vàng có mã THU ĐƯỢC 1 THANH HƯƠNG 50.99.50, đã qua sử dụng; 01 nhẫn kim loại, màu vàng có mã “THUY HUNG 50 THU ĐƯỢC II 9950”, đã qua sử dụng; 01 đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, hình vòng cung có mã KHS.T610, đã qua sử dụng; 01 đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, hình túi tiền có đính ký hiệu \$, có mã KHT 610 12, đã qua sử dụng; 01 nhẫn kim loại, màu vàng, có đính hạt màu trắng trong xung quanh nhẫn, bên trên đỉnh nhẫn có đính 01 hạt màu trắng trong suốt hình kim cương, có ký hiệu KTC 71% đã qua sử dụng; 01 nhẫn kim loại, màu vàng, có đính hạt màu trắng trong xung quanh nhẫn bên trên đỉnh nhẫn có đính 01 hạt màu trắng trong suốt hình kim cương, có ký hiệu H.XIU 120 đã qua sử dụng; 01 đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, hình oval, bên trên bông tai có đính các hạt màu trắng, trong suốt, bên trên có đính hạt màu hồng, có ký hiệu KTCV 71%, đã qua sử dụng; 01 đôi bông tai bằng kim loại, màu vàng, hình tròn, bên trên bông tai có đính các hạt màu trắng, trong suốt, có ký hiệu K*L*610 10 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J2, màu vàng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax 128gb, màu trắng, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng; số tiền mặt 7.843.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với 01 túi xách da màu xanh; 01 túi nylon màu cam mà bị cáo L đã vứt bỏ tại bãi đất trống, thuộc thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình điều

tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng chưa thu hồi được nên không xem xét, giải quyết.

- Đối với 02 nhẫn vàng, loại 9999, trọng lượng 05 chỉ vàng/nhẫn mà bị cáo L đã bán cho tiệm vàng Hiền L3 và tiệm V, sau đó tiệm vàng đã bán cho người khác Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi nên không xem xét, giải quyết.

- Đối với số tiền 11.400.000 đồng, bị cáo đã trả nợ cho nhiều người nhưng không nhớ trả cho ai, bao nhiêu tiền Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được không xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung J6+, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 354402100957547, IMEI 2: 354403100957545; đây là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc C là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô, hiệu Yamaha Sirius, màu xanh đen, biển số 85B1-355.02; Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị L2 (*sinh năm 1978; trú tại: Khu phố F, phường T, Tp . - T*), bà L2 không biết việc bị cáo sử dụng xe của mình làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên cho bà L2 là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Đối với chị Lê Thị Mai T2 không biết việc bị cáo L2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; Nguyễn Thái T1 không biết tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có cơ sở.

[7] Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc C đã nhận của bị cáo gồm 01 sợi dây chuyền vàng, 01 mặt dây chuyền vàng, 01 đôi bông tai vàng; Tuy nhiên, chị C không biết đây là tài sản do bị cáo L2 trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có cơ sở. Hiện số tài sản trên chị C đã bán Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa thu hồi được nên không xem xét, giải quyết.

[8] Quá trình điều tra, bị hại khai bị mất trộm tổng số tiền 60.000.000 đồng và bị mất thêm 01 nhẫn vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ/nhẫn. Bị cáo khai nhận sau khi thực hiện hành vi trộm cắp đã kiểm tra số tài sản trộm cắp được là 19.243.000 đồng và 04 nhẫn vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ/nhẫn. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị hại và bị cáo đối chất để làm rõ số tài sản bị mất trộm, tuy nhiên ngoài lời khai của bị hại thì không có chứng cứ gì chứng minh tổng số tài sản bị mất trộm như bị hại đã trình bày. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa có đủ căn cứ để xử lý đối với tài sản bị mất thêm là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 140.000.000 đồng (gồm trị giá 03 nhẫn vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ/nhẫn và số tiền mặt 53.000.000 đồng); tuy nhiên tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 69.400.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo

đồng ý bồi thường số tiền 69.400.000 đồng cho bị hại. Xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Quốc L (tên gọi khác: L1) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Quốc L (tên gọi khác: L1) 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo về việc bồi thường dân sự, cụ thể: Bị cáo Lê Thị Quốc L (tên gọi khác: L1) phải bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị T số tiền 69.400.000^d (*Sáu mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*) do anh Nguyễn Thái T1 nộp thay Lê Thị Quốc L theo biên lai thu tiền số 0000453 ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận để trả cho bị hại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị Quốc L (tên gọi khác: L1) phải nộp 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, bị hại quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/4/2024); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- CQĐT Công an TP. PR-TC;
- CQTHAHS Công an TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Nguyễn Thanh Thảo